

Số: /QĐ-UBND

Phường Chu Văn An, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán thu - chi ngân sách
Phường Chu Văn An Quý IV năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHU VĂN AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định Chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND phường Chu Văn An về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường và phân bổ ngân sách phường năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu - chi ngân sách phường Chu Văn An quý IV năm 2025 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thường

THUYẾT MINH BÁO CÁO CÔNG KHAI
Tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách
Phường Chu Văn An Quý IV năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND phường Chu Văn An)

1. Thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách phường thực hiện Quý IV năm 2025 là 72 tỷ 040,455 triệu đồng đạt 24,3% so với dự toán năm, cụ thể:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thực hiện: 757,586 triệu đồng, đạt 40,6% dự toán năm;
- Thuế thu nhập cá nhân thực hiện: 2 tỷ 704,34 triệu đồng, đạt 210,5% dự toán năm;
- Phí, lệ phí thực hiện: 63,957 triệu đồng, đạt 60,3% dự toán năm;
- Thu tiền sử dụng đất thực hiện: 1 tỷ 242,553 triệu đồng, đạt 11,8% dự toán năm;
- Thu khác ngân sách thực hiện: 526,038 triệu đồng, đạt 370,4% dự toán năm;
- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản thực hiện: 13,581 triệu đồng, đạt 10,4% dự toán năm;
- Thu chuyên nguồn: 409,314 triệu đồng;
- Thu bổ sung cân đối: 41 tỷ 198,396 triệu đồng;
- Thu bổ sung có mục tiêu: 25 tỷ 124,69 triệu đồng

2. Chi ngân sách nhà nước

Chi ngân sách địa phương thực hiện Quý IV năm 2025 là: 91 tỷ 744,93 triệu đồng, đạt 30,9% dự toán năm. Trong đó:

- * Chi đầu tư: 4 tỷ 491,262 triệu đồng, đạt 42,5% dự toán năm;
- * Chi thường xuyên thực hiện: 87 tỷ 253,668 triệu đồng, đạt 30,5% dự toán năm, cụ thể:
 - Sự nghiệp giáo dục đào tạo thực hiện: 47 tỷ 986,937 triệu đồng, đạt 37% dự toán năm;
 - Sự nghiệp y tế thực hiện: 198,125 triệu đồng, đạt 51,1% dự toán năm;
 - Sự nghiệp văn hóa thông tin thực hiện: 1 tỷ 227,048 triệu đồng, đạt 41,1% dự toán năm;
 - Sự nghiệp TDTT thực hiện: 386,222 triệu đồng, đạt 40,8% dự toán năm;

- Sự nghiệp phát thanh truyền hình thực hiện: 510,995 triệu đồng, đạt 32,4% dự toán năm;
- Sự nghiệp kinh tế thực hiện 2 tỷ 385,441 triệu đồng, bằng 20,3% dự toán năm;
- Sự nghiệp môi trường thực hiện: 7 tỷ 955,322 triệu đồng, bằng 37,6% dự toán năm;
- Quản lý hành chính thực hiện: 17 tỷ 681,534 triệu đồng, đạt 26,3% dự toán năm;
- Chi bảo đảm xã hội thực hiện: 7 tỷ 245,777 triệu đồng, đạt 18,6% dự toán năm;
- An ninh, Quốc phòng thực hiện: 1 tỷ 676,267 triệu đồng, đạt 34,6% dự toán năm;

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	296.729.000	72.040.455	24,3
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	378.000	603.576	159,7
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	13.706.000	4.704.479	34,3
3	Thu bổ sung	282.645.000	66.323.086	23,5
	- Thu bổ sung cân đối	282.645.000	41.198.396	14,6
	- Thu bổ sung có mục tiêu		25.124.690	
4	Thu chuyển nguồn		409.314	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		-	
II	TỔNG SỐ CHI	296.729.000	91.744.930	30,9
1	Chi đầu tư phát triển	10.557.000	4.491.262	42,5
2	Chi thường xuyên	279.638.000	87.253.668	31,2
3	Dự phòng	6.534.000		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025 (sau điều chỉnh)		THỰC HIỆN QUÝ IV		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	344.068.000	296.729.000	170.524.212	72.040.455	49,6	24,3
I	Các khoản thu 100%	378.000	378.000	1.682.560	603.576	445,1	159,7
	Phí, lệ phí	106.000	106.000	571.027	63.957	538,7	60,3
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	130.000	130.000	13.581	13.581	10,4	10,4
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	142.000	142.000	1.097.952	526.038	773,2	370,4
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	61.045.000	13.706.000	101.561.902	4.704.479	166,4	34,3
1	Các khoản thu phân chia	61.045.000	13.706.000	83.699.109	4.704.479	137,1	34,3
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			2.749.327			
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						

	Lệ phí trước bạ nhà, đất			11.984.908			
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.214.000	1.864.000	27.709.155	757.586	445,9	40,6
	Thuế thu nhập cá nhân	4.284.000	1.285.000	11.232.791	2.704.340	262,2	210,5
	Thu tiền sử dụng đất	50.547.000	10.557.000	30.022.928	1.242.553	59,4	11,8
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	-	-	17.862.793	-		
	Thuế bảo vệ môi trường			8.228.090			
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			6.977.310			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý			1.753.669			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý			332.511			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			571.213			
III	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			547.350			
IV	Thu chuyển nguồn			409.314	409.314		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				-		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	282.645.000	282.645.000	66.323.086	66.323.086	23,5	23,5
	- Thu bổ sung cân đối	282.645.000	282.645.000	41.198.396	41.198.396	14,6	14,6
	- Thu bổ sung có mục tiêu			25.124.690	25.124.690		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (sau điều chỉnh)			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	296.729.000	10.557.000	286.172.000	91.744.930	4.491.262	87.253.668	30,9	42,5	30,5
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	129.674.000		129.674.000	47.986.937		47.986.937	37,0		37,0
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	388.000		388.000	198.125		198.125	51,1		51,1
4	Chi văn hóa, thông tin	2.983.000		2.983.000	1.227.048		1.227.048	41,1		41,1
5	Chi phát thanh, truyền thanh	1.576.000		1.576.000	510.995		510.995	32,4		32,4
6	Chi thể dục thể thao	946.000		946.000	386.222		386.222	40,8		40,8
7	Chi bảo vệ môi trường	21.140.000		21.140.000	7.955.322		7.955.322	37,6		37,6
8	Chi các hoạt động kinh tế	11.747.000		11.747.000	2.385.441		2.385.441	20,3		20,3
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	67.294.000		67.294.000	17.681.534		17.681.534	26,3		26,3
10	Chi an ninh, quốc phòng	4.841.000		4.841.000	1.676.267		1.676.267	34,6		34,6
11	Chi đảm bảo xã hội	38.892.000		38.892.000	7.245.777		7.245.777	18,6		18,6
12	Chi khác	157.000		157.000	-					
13	Dự phòng ngân sách	6.534.000		6.534.000	-					

